TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Thanh**.
Các Hội thẩm N dân:
1. Ông **Ngô Văn Được**.
2. Bà **Thái Thị Ngọc Trân**.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy**, cán bộ Tòa án N dân huyện Chợ Mới.
Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Chợ Mới: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị Xuân Đ**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 533, tổ 19, ấp Long Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. **Bị đơn**: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 533, tổ 19, ấp Long Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Đ trình bày: Bà và ông N chung sống với nhau vào năm 1995 không đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do tính tình không phù hợp, cuộc sống chung thường xuyên cãi vả, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- **Về quan hệ con chung**: Bà và ông N có 02 con chung tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 19.8.1997 (đã trưởng thành); Trần Thị Kim T, sinh ngày 22.7.2001; Hiện tại con chung tên T đang sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên T, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về quan hệ tài sản chung**: Bà và ông N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ chung**: Không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Văn N đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông N về yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Xuân Đ.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Trần Văn N đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa. Hôm nay, ông N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015. Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N là có căn cứ.

- **Về thủ tục tố tụng**: Bà Nguyễn Thị Xuân Đ xin ly hôn với ông Trần Văn N. Ông N có nơi cư trú tại ấp Long Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án N dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Về quan hệ hôn N giữa bà Đ và ông N là không hợp pháp vì bà Đ và ông N chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định. Căn cứ vào khoản 1, Điều 9 Luật hôn N gia đình năm 2014 nghĩ nên không công nhận bà Nguyễn Thị Xuân Đ và ông Trần Văn N là vợ chồng.

- **Về quan hệ con chung**: Bà Đ và ông N có 02 con chung tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 19.8.1997 (đã trưởng thành); Trần Thị Kim T, sinh ngày 22.7.2001. Hiện tại con chung tên T đang sống với bà Đ. Sau khi ly hôn bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tến T và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ghi nhận ý kiến cháu Trần Thị Kim T. Cháu T có ý kiến và nguyện vọng được tiếp tục sống ăn ở, sinh hoạt và học tập với mẹ (Đ) khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy từ khi bà Đ, ông N không chung sống với nhau thì bà Đ vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển về thể chất tốt. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu T cho bà Đ được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật và ý chí của cháu T. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Đ không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông N không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị Xuân Đ trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ chung**: Ghi nhận bà Đ trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Đ, ông N trong thời kỳ hôn N thì bà Đ, ông N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- **Về án phí**: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn N và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- **Về quan hệ hôn N**: Không công nhận bà Nguyễn Thị Xuân Đ và ông Trần Văn N là vợ chồng.

- **Về quan hệ con chung**: Bà Đ được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trần Thị Kim T, sinh ngày 22.7.2001. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Đ không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông N không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về quan hệ tài sản chung**: Bà Nguyễn Thị Xuân Đ trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ chung**: Ghi nhận bà Đ trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Đ, ông N trong thời kỳ hôn N

thì bà Đ, ông N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Bà Đ phải chịu án phí hôn N, gia đình sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004950 ngày 03.01.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Xuân Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Kiến An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh